

Số: /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Quảng Trị
giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy Quảng Trị về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2818/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động triển khai Chương trình hành động số 21-CTHD/TU ngày 13/8/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 437/TTr-SNV ngày 04/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- BCĐ CCHC của Chính phủ;
- Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn;
- Báo Quảng Trị, Đài PT-TH tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hưng

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng nền hành chính tỉnh Quảng Trị ngày càng tinh gọn, hiện đại, chuyên nghiệp, hoạt động thông suốt, hiệu quả; Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có phẩm chất, năng lực ngang tầm nhiệm vụ được giao; nâng cao chất lượng thực thi các nhiệm vụ quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội địa phương; phục vụ công dân, tổ chức, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh để nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

2. Yêu cầu

- Quán triệt chủ trương của Đảng về cải cách hành chính là một trong những đột phá phát triển; gắn cải cách hành chính với đổi mới phương thức lãnh đạo, hoạt động của từng cơ quan hành chính nhà nước.

- Cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

- Các nội dung cải cách hành chính phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn và góp phần thúc đẩy thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Cải cách hành chính phải gắn với nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, đổi mới lề lối làm việc, phương thức quản trị hiện đại, tạo bước đột phá hiện đại hóa hành chính, ứng dụng sâu rộng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành; thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước; cung cấp tối đa các dịch vụ tiện ích cho người dân, doanh nghiệp.

- Công tác cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, lâu dài trong chiến lược xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Trị, đòi hỏi các cấp, các ngành, mỗi cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu phải có quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỤ THỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2030

1. Cải cách thể chế

a) Mục tiêu

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, phù hợp với quy định pháp luật mới ban hành và điều kiện thực

tế của địa phương, trọng tâm là thể chế về tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, thể chế phát triển nền kinh tế thị trường; tạo được bước đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, phục vụ có hiệu quả việc xây dựng chính quyền điện tử và tận dụng tối đa những lợi thế của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại.

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm 100% văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của HĐND và UBND tỉnh được ban hành đúng pháp luật, đồng bộ, thống nhất theo các văn bản chủ đạo của Trung ương và có tính khả thi cao, công khai, dễ tiếp cận. Hoàn thành 100% nội dung theo dõi thi hành pháp luật hàng năm theo Kế hoạch được phê duyệt. Thực hiện xử lý 100% văn bản QPPL cần được xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát.

- Đến năm 2030, hoàn thiện toàn diện, đồng bộ và vận hành có hiệu quả thể chế của nền hành chính hiện đại, thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo được bước đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Nhiệm vụ

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, phù hợp với quy định pháp luật mới ban hành và điều kiện thực tế của địa phương, trong đó chú trọng hệ thống văn bản liên quan đến tổ chức, bộ máy và quản lý cán bộ, công chức, viên chức; các cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện thu hút nguồn lực, thu hút các nhà đầu tư; khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia cung ứng dịch vụ trong môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật:

+ Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác xây dựng, ban hành và thực thi các VBQPPL trên địa bàn tỉnh, trọng tâm là nâng cao chất lượng công tác xây dựng các VBQPPL nhằm đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, cụ thể, khả thi, minh bạch, ổn định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

+ Đề cao trách nhiệm của cơ quan chủ trì trong quá trình xây dựng thể chế; quan tâm, coi trọng công tác tổng kết, đánh giá thực tiễn, tham vấn ý kiến chuyên môn của các chuyên gia, nhà khoa học và tham vấn ý kiến rộng rãi của người dân, tổ chức và xã hội trong quá trình xây dựng và ban hành VBQPPL nhằm không ngừng nâng cao chất lượng các thể chế ban hành.

+ Tăng cường kiểm tra, rà soát, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật:

+ Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, kinh tế số, các loại hình sản xuất thông minh, các loại hình phát triển kinh tế sáng tạo, thu hút nguồn lực, thu hút các nhà đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia cung ứng dịch vụ trong môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh.

+ Ban hành quy định và tổ chức triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật hàng năm tại tỉnh.

- + Tăng cường năng lực phản ứng chính sách, kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật, đặc biệt gắn kết với quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật.
- + Đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật.
- + Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.
- + Tổ chức lấy ý kiến của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và xây dựng cơ chế giám sát thi hành pháp luật. Tổ chức lấy ý kiến nhân dân trước khi quyết định các chủ trương, chính sách quan trọng của địa phương; tuyên truyền và hướng dẫn để nhân dân giám sát hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Mục tiêu

- Nâng cao chất lượng giải quyết TTHC bằng cơ chế một cửa, một cửa liên thông, bao gồm cả giải quyết TTHC không theo địa giới hành chính; ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, phục vụ phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương.

- 100% TTHC cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, bao gồm TTHC của các cơ quan ngành dọc đã được phê duyệt theo Quyết định số 1291/QĐ/TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ (trừ các TTHC đặc thù đã được phê duyệt thực hiện theo hình thức khác của cấp có thẩm quyền) được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công và bộ phận một cửa, một cửa liên thông cấp huyện, cấp xã; 100% hồ sơ tiếp nhận được cập nhật vào phần mềm một cửa điện tử của tỉnh.

- 100% TTHC, danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh được công bố đầy đủ, kịp thời và nhập, đăng tải công khai TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC sau khi công bố. 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng Dịch vụ công, Cổng thông tin điện tử của tỉnh; 90% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời.

- Năm 2022, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 30%, 20%, 15%; các năm tiếp theo, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính, đến năm 2025 đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

- Đến năm 2025:

+ Rà soát, đơn giản hóa TTHC, cắt giảm ít nhất 25% thời gian giải quyết TTHC so với quy định. Tỷ lệ số lượng hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn và trước hạn hàng năm đạt từ 99% trở lên.

+ Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong

nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.

+ Tối thiểu 100% thủ tục hành chính của tỉnh có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong số đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%. 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

+ Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

- Đến năm 2030:

+ 100% thủ tục hành chính, có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 50% trở lên.

+ Tối thiểu 90% thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, đồng thời, hoàn thành việc tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 80%.

+ 90% số lượng người dân, doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính phủ điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 95%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%.

b) Nhiệm vụ

- Nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC, nhất là các TTHC về lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng, môi trường, tư pháp. Rà soát, trình cấp có thẩm quyền về đơn giản hóa TTHC, loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở ứng dụng các công nghệ số và các cơ sở dữ liệu sẵn có. Rà soát, thống kê và đơn giản hóa các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước.

- Đẩy mạnh áp dụng công nghệ số để cải tiến mọi quy trình, thủ tục của các cơ quan hành chính. Giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (bao gồm cả giải quyết TTHC không theo địa giới hành chính); chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ; trao đổi trên môi trường mạng; số hóa kết quả thủ tục hành chính để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, trên các phương tiện khác nhau.

- Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai thủ tục hành chính dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện. Vận hành và khai thác có hiệu quả Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Kết nối, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và đăng ký doanh nghiệp, các Cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác, Cổng Dịch

vụ công quốc gia, Công thanh toán quốc gia với Công Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử tinh phục vụ xác thực, định danh và cắt giảm, tái sử dụng các kết quả TTHC, đơn giản hóa hồ sơ, giấy tờ công dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa các cấp. Đổi mới các hình thức công khai thủ tục hành chính, nghiên cứu hình thức sơ đồ hóa quy trình các bước thực hiện thủ tục hành chính để doanh nghiệp dễ hiểu, dễ tiếp cận.

- Xây dựng, ban hành danh mục, quy trình thủ tục hành chính thực hiện liên thông trong nội bộ cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện; đảm bảo rõ thời gian, rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong từng bước của quy trình giải quyết thủ tục hành chính. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan ngành dọc và cơ quan chuyên môn trong giải quyết thủ tục hành chính. Làm rõ trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan trong việc thực hiện thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục hành chính liên thông.

- Hoàn thành đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ. Củng cố, đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã cho phù hợp với lộ trình, yêu cầu xây dựng chính quyền số, thành phố thông minh. Nâng cấp về cơ sở vật chất và trang thiết bị đối với Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND cấp xã, nhất là các xã mới sáp nhập đảm bảo phù hợp yêu cầu thực hiện chuyển đổi số để thực hiện chính quyền số. Thực hiện việc người dân, doanh nghiệp chấm điểm M.Score tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Nghiên cứu đề xuất xây dựng Trung tâm hành chính tập trung của tỉnh. Thực hiện cải cách toàn diện công tác quản lý, kiểm tra chuyên ngành và kết nối cơ chế quốc gia, cơ chế Một cửa ASEAN.

- Đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết, đảm bảo nguyên tắc quản lý ngành, lãnh thổ, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những phiền, tiêu cực, phiền hà cho nhân dân.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc giải quyết TTHC.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Mục tiêu

- Xây dựng hệ thống cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Quảng Trị có cơ cấu hợp lý, tinh gọn, định rõ về chức năng nhiệm vụ mô hình chính quyền nông thôn, đô thị, huyện đảo, đảm bảo hoạt động thông suốt, hiệu quả. Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước; tăng cường rà soát, sắp xếp lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, có cơ cấu hợp lý và nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị, khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống hành chính nhà nước.

- *Đến năm 2025:*

+ Giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

+ Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%; mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

- Đến năm 2030:

+ Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; giảm mạnh đầu mối các tổ chức trung gian.

+ Tiếp tục giảm bình quân 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025.

+ Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 95%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 90%

+ Phân định rõ và tổ chức thực hiện mô hình chính quyền nông thôn, đô thị, hải đảo và đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

b) Nhiệm vụ

- Rà soát, ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp công lập trên toàn tỉnh theo các quy định mới của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương đảm bảo cụ thể, rõ ràng, không trùng lặp, chồng chéo.

- Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 19-NQ/TW và các quy định mới của Chính phủ theo hướng giảm đầu mối trực thuộc, giảm trung gian, nâng cao hiệu lực, hiệu quả; sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập không đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Hoàn thành phê duyệt vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị trên toàn tỉnh. Thường xuyên rà soát, điều chỉnh vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị phù hợp với các quy định mới của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành, làm cơ sở cho việc giao biên chế, số người làm việc chính xác, khoa học.

- Tiếp tục thực hiện lộ trình giảm số người làm việc giai đoạn 2021-2025 trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên theo các nghị quyết, kết luận của Trung ương và của Tỉnh trên cơ sở tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng về mọi mặt của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang tự chủ về tài chính hoặc thành công ty cổ phần.

- Hoàn thiện quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh, trọng tâm là các lĩnh vực: Y tế, giáo dục và đào tạo; lao động, thương binh và xã hội; khoa học và công nghệ; văn hóa, thể thao và du lịch, thông tin và truyền thông.

- Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần.

- Đẩy mạnh xã hội hoá các dịch vụ công ở những nơi có đủ điều kiện, nhất là ở các đô thị; chuyển đổi các trường mầm non, trung học phổ thông công lập ở những có khả năng xã hội hóa cao sang đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên hoặc tự đảm bảo chi thường xuyên; tăng cường giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước. Khuyến

khích thành lập các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, nhất là trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế, khoa học và công nghệ. Đảm bảo giao đủ biên chế cho các đơn vị sự nghiệp công lập thiết yếu, các đơn vị sự nghiệp ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền theo quy định của pháp luật đảm bảo hợp lý, gắn với quyền hạn và trách nhiệm giữa các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước. rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp trong tất cả các ngành, lĩnh vực. Triển khai các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hiệu quả việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.

- Kiện toàn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của UBND cấp xã, nhất là các xã, thị trấn mới sáp nhập theo Nghị quyết số 832/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Trị. Thực hiện phân định rõ về chức năng nhiệm vụ mô hình chính quyền nông thôn, đô thị, huyện đảo theo quy định.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới phương thức làm việc và công tác chỉ đạo, điều hành, định kỳ khảo sát, đánh giá để nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp, cải thiện chỉ số mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Mục tiêu

- Xây dựng nền công vụ của tỉnh Quảng Trị năng động, hiệu quả, mọi hoạt động công vụ được công khai, minh bạch; xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định, đảm bảo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao theo hướng chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài.

- *Đến năm 2025:*

- 100% CBCCVC ứng dụng CNTT thành thạo trong xử lý công việc; Tối thiểu 95% CBCCVC được đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo hiệu quả công việc.

- 100% cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí công chức, viên chức đúng vị trí việc làm, khung năng lực đã được phê duyệt.

+ 100% cán bộ, công chức được bồi dưỡng theo chức danh quy định;

+ 100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn trình độ cao đẳng, đại học theo quy định.

- *Đến năm 2030:*

+ Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ: 25%-35% số lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tương đương, trên 30% số lãnh đạo, quản lý cấp phòng trực thuộc sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tương đương, 80% số lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nhà nước có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

+ 100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.

b) Nhiệm vụ

- Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao theo yêu cầu trong tình hình mới. Trên cơ sở vị trí việc làm đã được phê duyệt, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm rà soát, bố trí hợp lý người làm việc đảm bảo theo đúng trình độ đào tạo và năng lực; đưa vào danh sách tinh giản biên chế đối với các trường hợp dôi dư theo vị trí việc làm hoặc có trình độ đào tạo không phù hợp nên không thể hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Nghiên cứu, từng bước thực hiện sát hạch CBCCVV định kỳ để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ, đồng thời làm cơ sở đánh giá đội ngũ, phục vụ công tác quy hoạch, sử dụng, đề bạt, bổ nhiệm.

- Thực hiện đúng quy định công tác tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, luân chuyển CBCCVV.

- Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức. Bố trí kinh phí để tiếp tục xây dựng, hoàn thiện phần mềm thi tuyển công chức, viên chức tỉnh Quảng Trị và triển khai áp dụng trong toàn tỉnh trước năm 2023, từ đó nâng cao chất lượng, tính công khai, minh bạch, giảm chi phí cho việc thi tuyển công chức, viên chức.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao theo ngành, lĩnh vực; trong đó, hướng tới xây dựng nguồn nhân lực có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế. Phát hiện, thu hút, tuyển dụng và sử dụng nhân tài làm việc trong các ngành, lĩnh vực mũi nhọn cần nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, phòng và tương đương theo hướng dẫn của Trung ương.

- Kịp thời rà soát, tổ chức triển khai thực hiện các văn bản pháp luật quy định về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức; chú trọng công tác nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo đúng cơ cấu vị trí việc làm góp phần tạo động lực cho cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ công vụ.

- Thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi hoạt động theo hướng đầy mạnh tự chủ.

- Sắp xếp đội ngũ CBCC cấp xã và thực hiện cơ chế quản lý, chế độ, chính sách đối với đội ngũ CBCC cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đúng quy định, bảo đảm giảm dần số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, nâng cao hiệu quả hoạt động, thực hiện khoán kinh phí.

- Thực hiện đúng quy định về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những người có sai phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBCCVV. Đổi mới *quy trình xác định nhu cầu* đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện việc đào tạo có địa chỉ, gắn với quy hoạch, tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ; đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng, chú trọng bồi dưỡng theo chức danh, vị trí việc làm theo quy định nhằm nâng cao năng lực

chuyên môn, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng đội ngũ giảng viên vững vàng về lý luận, thành thạo về kỹ năng, kinh nghiệm thực tiễn về lĩnh vực giảng dạy; xây dựng cơ chế cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với điều kiện của tỉnh và yêu cầu hội nhập quốc tế; có chính sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức học tập và tự học tập, không ngừng nâng cao trình độ và năng lực thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao.

- Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo các quy định của pháp luật. Đổi mới phương pháp, lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, sản phẩm cụ thể.

- Tiếp tục bổ sung bộ tiêu chí đánh giá CBCCVN theo hướng xác định cụ thể công việc, lấy chất lượng, hiệu quả hoàn thành, chức trách, nhiệm vụ được giao làm thước đo chủ yếu để đánh giá phẩm chất, năng lực của CBCCVN

5. Cải cách tài chính công

a) Mục tiêu

- Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của cấp có thẩm quyền.

- *Đến năm 2025:*

+ Tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.

+ 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư;

+ Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp năm sau tăng hơn năm trước liền kề.

- *Đến năm 2030:*

Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021-2025.

b) Nhiệm vụ

- Rà soát, sửa đổi bổ sung các quy định thuộc thẩm quyền của địa phương về đổi mới cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra theo quy định của Trung ương, nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sự sáng tạo của chính quyền địa phương. Tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản lý tài chính công từ cấp tỉnh tới cấp xã theo đúng quy định của pháp luật; tăng cường phân cấp, tạo quyền chủ động cho đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công thành công ty cổ phần theo Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ; triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ. Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về **sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước** theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ.

- Đẩy mạnh thu hút và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội; ưu tiên đầu tư các công trình trọng điểm, tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

- Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp. Thực hiện cơ chế, chính sách phục vụ quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước và thúc đẩy, đổi mới, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp nhà nước.

- Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhất là trong lĩnh vực đầu tư công và quản lý tài sản công.

- Quản lý hiệu quả tài sản công.

- Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; tạo sự cạnh tranh bình đẳng trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ sự nghiệp công.

- Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa, xây dựng lộ trình chuyển một số đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ từng phần, nhất là các đơn vị trường học, khuyến khích thành lập đơn vị sự nghiệp ngoài công lập (giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ); chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

a) Mục tiêu

- Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ để xây dựng Chính quyền điện tử và Chính quyền số theo quy định nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp, hướng tới vận hành nền kinh tế số, xã hội số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế của địa phương; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức.

- Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Hệ thống báo cáo của địa phương được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia đúng quy định; 100% báo cáo của các sở, ngành, UBND cấp huyện báo cáo lên hệ thống báo cáo của tỉnh đúng quy định.

- Thực hiện Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc cho Ủy ban nhân dân tỉnh và 100% UBND cấp huyện thực hiện họp thông qua hệ thống này đối với các cuộc họp của Ủy ban nhân dân.

- Tiếp tục thực hiện Hệ thống theo dõi, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao, bảo đảm hiển thị theo thời gian thực.

- Đến năm 2025:

+ 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

+ Ít nhất 80% các hệ thống thông tin của địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin

của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung cấp lại.

+ Trên 95% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, trên 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện, trên 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

+ 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

+ Tỷ lệ hồ sơ nộp qua mạng và giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên tổng số hồ sơ toàn tỉnh đạt tối thiểu 50%.

+ Ít nhất 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh được khai thác, vận hành hiệu quả phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của tỉnh; các mô hình đô thị thông minh tại thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị có đủ điều kiện triển khai.

+ Hoàn thành xây dựng quy trình hóa việc giải quyết công việc đối với 100% các cơ quan hành chính các cấp theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ứng dụng quản lý trên phần mềm ISO điện tử.

- Đến năm 2030:

+ 100% hồ sơ công việc cấp tỉnh; 95% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 85% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

+ 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ Tối thiểu 80% người trưởng thành có tài khoản giao dịch tại ngân hàng.

b) Nhiệm vụ

- Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng hành lang pháp lý hỗ trợ xây dựng, phát triển Chính quyền số các cấp.

- Phát triển hạ tầng số:

+ Phát triển hệ thống dữ liệu phục vụ triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số.

+ Chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

+ Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, gắn kết với phát triển đô thị thông minh tại các ngành, địa phương.

+ Hoàn thiện hệ thống thông tin một cửa điện tử, công dịch vụ công các cấp kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia. Quy trình hóa việc giải quyết công việc các cơ quan hành chính các cấp theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

+ Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng CNTT với cải cách hành chính: thường xuyên nâng cấp, hoàn thiện chức năng, tính năng kỹ thuật của Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh, công dịch vụ công các cấp kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia; Hoàn thiện Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh phục vụ công tác

quản lý, điều hành tác nghiệp, trao đổi văn bản điện tử giữa các cấp chính quyền trong tỉnh với các bộ ngành Trung ương;

- Phát triển nền tảng và hệ thống số:

+ Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong nội bộ của bộ, ngành, địa phương và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của tỉnh kết nối với Trung tâm an toàn, an ninh mạng Quốc gia.

+ Xây dựng, phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong Chính quyền số.

- Phát triển dữ liệu số:

+ Xây dựng kho dữ liệu để lưu trữ dữ liệu điện tử của các công dân khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước trên cổng Dịch vụ công của tỉnh và hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh.

+ Xây dựng Hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp các ngành, địa phương nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu số từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số.

- Phát triển ứng dụng, dịch vụ nội bộ:

+ Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ, quy trình xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ điện tử hồ sơ công việc của các cơ quan nhà nước theo quy định. Hoàn thiện Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh phục vụ công tác quản lý, điều hành tác nghiệp, trao đổi văn bản điện tử giữa các cấp chính quyền trong tỉnh với các bộ ngành Trung ương và địa phương; Phân đầu đến năm 2025, 100% các sở, ban, ngành sử dụng các chức năng về hồ sơ công việc, trình, xử lý văn bản hoàn toàn trên môi trường mạng, chuyển hoàn toàn sang phương thức xử lý công việc “không giấy tờ”.

+ Đầu tư phát triển hạ tầng số, trong đó tập trung phát triển hạ tầng truyền dẫn, hệ thống dữ liệu để đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và xây dựng thành phố thông minh. Thử nghiệm triển khai hiệu quả một số dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh; triển khai hiệu quả hoạt động Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh; các mô hình đô thị thông minh tại thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị có đủ điều kiện triển khai.

7. Công tác chỉ đạo, điều hành

a) Mục tiêu

- 100% các văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác cải cách hành chính được ban hành đầy đủ, kịp thời và đảm bảo về chất lượng nội dung. Thực hiện đạt hiệu quả 100% các nội dung công tác cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 và hàng năm theo kế hoạch đã được phê duyệt. Thực hiện đúng quy định công tác kiểm tra cải cách hành chính hàng năm. Mỗi năm có từ 2-3 sáng kiến, giải pháp được triển khai thực hiện có hiệu quả về công tác cải cách hành chính trong toàn tỉnh.

- Cải thiện các Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số Chuyển đổi số (DTI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

b) Nhiệm vụ

- Nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính từ Ủy ban nhân dân tỉnh đến các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp; Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030, Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025.

- Tham mưu xây dựng, ban hành các Kế hoạch, Đề án, các biện pháp đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số Chuyển đổi số (DTI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

- Hàng năm, thực hiện có hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh và các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã; Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức thực hiện giao ban định kỳ để đánh giá công tác cải cách hành chính nhằm có giải pháp kịp thời đối với các khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện và định hướng nhiệm vụ thực hiện trong thời gian tiếp theo. Thường xuyên rà soát, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện công tác cải cách hành chính đảm bảo hoàn thành có hiệu quả các nhiệm vụ theo kế hoạch đã đề ra. Đánh giá, xác định và công bố Chỉ số cải cách hành chính đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và UBND cấp huyện.

- Cơ quan thường trực cải cách hành chính của tỉnh, các cơ quan được giao chủ trì phụ trách các nội dung, lĩnh vực cải cách hành chính và các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động nghiên cứu và tham mưu tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Có cơ chế phân công, phối hợp, phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức đối với cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp về vai trò và tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính; Đổi mới, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền; tăng cường các hình thức thông tin, tương tác với người dân, doanh nghiệp; nâng cao chất lượng, chú trọng tuyên truyền về những giải pháp, lợi ích mà chính quyền cung cấp cho người dân, doanh nghiệp.

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp, sáng kiến về thực hiện cải cách hành chính để áp dụng trong toàn tỉnh và tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Bố trí đầy đủ nguồn lực tài chính và nhân lực để thực hiện công tác cải cách hành chính.

- Thực hiện công tác về kiểm tra công tác cải cách hành chính, trong đó chú trọng đổi mới phương pháp kiểm tra; nêu gương các cá nhân, tổ chức làm tốt công

tác cải cách hành chính, đồng thời kịp thời phát hiện và xử lý hoặc đề xuất xử lý nghiêm những vi phạm, sai phạm trong thực hiện công tác cải cách hành chính.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định Chỉ số CCHC hàng năm của các cơ quan hành chính theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong đánh giá.

- Sơ kết, tổng kết đánh giá thực hiện Kế hoạch CCHC 5 năm, 10 năm trên địa bàn; đánh giá kết quả thực hiện các Đề án, Nghị quyết, Chỉ thị về công tác CCHC.

(Chi tiết một số mục tiêu, nhiệm vụ và phân công thực hiện tại Phụ lục kèm theo)

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện cải cách hành chính của các cấp ủy đảng, người đứng đầu của các cơ quan hành chính các cấp, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong tỉnh. Tăng cường vai trò, trách nhiệm, năng lực của các cơ quan chủ trì và phụ trách các lĩnh vực được giao về tổ chức thực hiện các nội dung cải cách hành chính. Có cơ chế phân công, phối hợp thống nhất, rõ thẩm quyền, trách nhiệm cụ thể giữa các cơ quan để bảo đảm các nội dung cải cách hành chính được triển khai đồng bộ, thống nhất theo mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra.

2. Cơ quan hành chính các cấp xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của giai đoạn; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng thời gian, từng lĩnh vực; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kiểm tra, đôn đốc, rà soát, đánh giá kết quả để kịp thời có giải pháp đối với những khó khăn, vướng và tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện. Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Chú trọng công tác thi đua, khen thưởng trong cải cách hành chính.

3. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội.

4. Tăng cường sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, người dân, doanh nghiệp trong việc giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của các cơ quan hành chính, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ, công vụ. Phát huy dân chủ, thực hiện quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy hành chính, tăng cường lắng ý kiến người dân đối với việc xây dựng thể chế, chính sách, đánh giá tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức; lắng sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công là thước đo chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước.

5. Huy động các nguồn lực, ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính và nhân lực để thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

6. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với tạo động lực cải cách trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện các chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ và có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với nhân dân. Đề cao trách nhiệm cá nhân trong thực thi công vụ; đổi

mới phương thức đánh giá cán bộ, công chức, viên chức dựa trên kết quả công việc; có cơ chế, chính sách khuyến khích về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực và tạo cơ hội thăng tiến, phát triển cho những cá nhân có trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo trong thực hiện cải cách hành chính.

7. Đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; thường xuyên đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, truyền thông trong khảo sát trực tuyến người dân, tổ chức để cung cấp thông tin thường xuyên, liên tục, kịp thời về tình hình phục vụ của các cơ quan hành chính cho các cấp có thẩm quyền tại tỉnh

8. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2. Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch theo nguyên tắc: Lông ghép từ các chương trình, các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; các chương trình, đề án khác có liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã; các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh

a) Trên cơ sở Kế hoạch CCHC giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 của UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng, ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm phù hợp theo chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu thực tế của cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ đề ra.

b) Nâng cao công tác chỉ đạo, điều hành thực trong quá trình thực hiện; Có giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện công tác CCHC của tỉnh, của cơ quan, đơn vị và cải thiện các Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số Chuyển đổi số (DTI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

c) Phổ biến, tuyên truyền kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh và của cơ quan, đơn vị nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức về công tác cải cách hành chính; Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong thực hiện công tác cải cách hành chính.

d) Bố trí nhân lực, kinh phí và các nguồn lực khác đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Lập dự toán kinh phí để thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án và nhiệm vụ cải cách hành chính đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan, đơn vị.

đ) Định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị đúng quy định.

e) Tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, tự kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính theo Kế hoạch đã đề ra.

2. Sở Nội vụ

a) Là cơ quan thường trực giúp UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này và kế hoạch Cải cách hành chính hàng năm của tỉnh đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng yêu cầu, tiến độ đề ra.

b) Tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành triển khai Kế hoạch.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai các nội dung: Công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, cải cách chế độ công vụ.

d) Thẩm định các đề án thí điểm cải cách hành chính (nếu có) do Sở, Ban, ngành, địa phương trình UBND tỉnh.

đ) Hướng dẫn Sở, Ban, ngành, địa phương xây dựng báo cáo cải cách hành chính hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất về tình hình thực hiện Kế hoạch.

e) Kiểm tra, theo dõi, đánh giá và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh việc thực hiện Kế hoạch; tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ công tác CCHC hàng quý, 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu.

g) Chủ trì, phối hợp với hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố; Triển khai thực hiện phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

h) Hàng năm, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức thực hiện công tác cải cách hành chính của cơ quan hành chính các cấp.

i) Tham mưu UBND tỉnh tổ chức tổng kết công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 theo Kế hoạch này.

3. Sở Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thể chế; theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế.

b) Chủ trì triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật.

c) Chủ trì triển khai có hiệu quả Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đảm bảo thống nhất với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

4. Văn phòng UBND tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh thực hiện nội dung cải cách thủ tục hành chính; giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý, vận hành Cổng Dịch vụ công tỉnh; Phần mềm quản lý hồ sơ công việc; Hệ thống thông tin

báo cáo của tỉnh; Hệ thống theo dõi về thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện đổi mới phương thức làm việc thông qua gửi, nhận văn bản điện tử, xử lý hồ sơ công việc và giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; điều hành dựa trên dữ liệu số; theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao theo thời gian thực tế.

5. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh thực hiện nội dung cải cách Tài chính công; Theo dõi, tổng hợp việc triển khai nội dung cải cách Tài chính công.

b) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này trong dự toán phí chi thường xuyên hàng năm của các sở, ban, ngành, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành; phối hợp với các sở, ngành bố trí lồng ghép kinh phí từ các nguồn vốn khác để thực hiện Kế hoạch.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

b) Chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) thực hiện Kế hoạch (nếu có).

c) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ tham mưu bố trí nguồn vốn thực hiện các chương trình, dự án, đề án về công tác CCHC, đồng thời tham mưu bố trí nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình, đề án khác có liên quan.

d) Phối hợp với Cục thuế tỉnh, Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội đơn giản hóa và rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến đăng ký kinh doanh, chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thành lập doanh nghiệp.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh cải thiện và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Triển khai các biện pháp, giải pháp để thu hút đầu tư; phát triển doanh nghiệp.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh thực hiện nội dung phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số; Theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính nhà nước của tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030.

8. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế.

b) Chủ trì triển khai thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

b) Tiếp tục rà soát, sắp xếp hệ thống mạng lưới trường, lớp mầm non, phổ thông, đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và người lao động của ngành theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Chủ trì triển khai thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công.

10. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

b) Chủ trì triển khai thực hiện chính sách tiền lương đối với người lao động trong các loại hình doanh nghiệp, chính sách bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công.

11. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đề xuất hoàn thiện các quy định pháp luật về đổi mới cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo.

b) Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

12. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Thực hiện rà soát các cơ chế, chính sách xã hội hóa hiện hành, phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, Ban, ngành, địa phương đề xuất, tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản mới hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch phù hợp với điều kiện của tỉnh.

13. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Trị, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, các cơ quan thông tấn, báo chí của Trung ương trên địa bàn tỉnh

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng chuyên mục, chuyên trang, tuyên truyền có trọng tâm, trọng điểm, bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú về cải cách hành chính và tiếp nhận ý kiến phản hồi của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

14. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Đoàn thể các cấp

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Đoàn thể các cấp tăng cường phối hợp thực hiện giám sát, kiến nghị, phản ánh về tình hình thực hiện kế hoạch cải cách hành chính ở địa phương với các cơ quan chức năng để có biện pháp chỉ đạo kịp thời, bảo đảm thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và hoạch cải cách hành chính hàng năm của tỉnh kế đạt kết quả tốt.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để xem xét, chỉ đạo./.